TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2020
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D (Vỏ Thị Dức), sinh năm: 1968; địa chỉ: 231/2 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm: 1963; ĐKTT: 231/2 ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 147/1 ấp TH (khu phố 1), Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Dương Văn M được gia đình tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà và ông M có 03 con chung: Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quắc L, sinh ngày: 07/9/1997, Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006. Khoảng thời gian 05 năm qua bà và ông M thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau, ông M có thường xuyên uống say về nhà chửi bới, đánh đập bà. Bà có nhiều lần báo Công an xã TH giải quyết và cho ông M cơ hội sửa đổi nhưng ông M không thay đổi. Do việc sống chung không hạnh phúc, mặt khác bà và ông M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà yêu cầu tòa

án giải quyết không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

- Về con chung: Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc L, sinh ngày: 07/9/1997 đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết; Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006 hiện đang sống cùng bà, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai bị đơn ông Dương Văn M trình bày:

Ông và bà D sống chung không có đăng ký kết hôn. Ông và bà D có 03 con chung: Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc L, sinh ngày: 07/9/1997; Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006. Ông và bà D có cự cãi nhỏ, do ông nghĩ là bà D có người đàn ông khác nên từ đó mâu thuẫn giữa ông, bà ngày càng lớn do đó ông trở về nhà cha mẹ ruột ở Thị trấn P để sinh sống. Nay bà D có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc L, sinh ngày: 07/9/1997 đã trưởng thành ông không yêu cầu giải quyết; Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006 ông đồng ý giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông và bà D có tài sản chung là nhà và đất nhưng ông không yêu cầu giải quyết mà để lại cho các con.

Về nợ chung: ông trình bày không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của bà D, ông M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng bà D và ông M sống chung không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà D có yêu cầu ly hôn với ông M thì cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông M theo quy định tại Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000. Về con chung: Dương Ca Rel, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc Lộng, sinh ngày: 07/9/1997 đã trưởng thành bà D và ông M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, riêng cháu Dương Thị Mỹ Hảo, sinh ngày: 02/01/2006 hiện đang sống cùng bà D và có nguyện vọng sống cùng bà D nên giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hảo là phù hợp và ghi nhận việc ông M không cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu theo quy định tại các Điều 55, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Do đó có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D, bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn M nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Dương Văn M cư trú tại xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: bà D và ông M đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông M trong vụ án này.

[4] Về hôn nhân: qua trình bày của bà D và ông M Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đều thống nhất ông bà sống chung với nhau từ năm 1992 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời trình bày này của bà D và ông M cũng phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre về việc ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hải, là nơi cư trú của bà D và ông M. Xét việc bà D và ông M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy nay bà D có yêu cầu ly hôn với ông M, bà D cũng đồng ý nên căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông M là phù hợp.

[5] Về con chung: 02 con chung Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc L, sinh ngày: 07/9/1997 đã trưởng thành bà D và ông M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006 hiện đang sống cùng bà D và có nguyện vọng sống cùng bà D nên giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp và ghi nhận việc ông M không cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà D phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014; các Điều 11, 17, 87, 55, 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị D (Vỏ Thị Dức) và ông Dương Văn M.

2. Về con chung: 03 con chung Dương Ca R, sinh ngày: 03/3/1993 và Dương Quấc L, sinh ngày: 07/9/1997 đã trưởng thành bà D và ông M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị Mỹ H, sinh ngày: 02/01/2006 và ghi nhận việc ông M không cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006211 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung